TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 544/2023/DS-PT
Ngày: 14 - 8 - 2023
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Thủy;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đắc Minh;

Bà Nguyễn Thị Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minhtham gia phiên tòa: Ông Trần Đăng Ri - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 341/2023/TLPT-DS ngày 16 tháng 6 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 663/2023/DS-ST ngày 11 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1806/2023/QĐ-PT ngày 10 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyen Th Tien (Nguyễn Tiến Th), sinh năm 1960; Địa chỉ: V Dr Se C, M, USA.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tiến Đ, sinh năm 1969; Địa chỉ thường trú: đường B, Phường 13, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ liên lạc: Tỉnh lộ 10, phường B, quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh; theo hợp đồng ủy quyền ngày 08/9/2022. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Trần Vĩ C – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- *Bị đơn:*

1/. Ông Nguyễn Tiến Th1, sinh năm 1957.

2/. Bà Nguyễn Thị Thanh Ng, sinh năm 1969.

Cùng địa chỉ: đường Q, Phường 8, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thu Th, sinh năm 1987; Địa chỉ liên hệ: đường H, phường A, quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Tiến Đ – đại diện nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyen Th Tien (Nguyễn Tiến Th) có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Tiến Đ trình bày:

Do ông Th và ông Th1 là hai anh em ruột, nên trước đây ông Th cho ông Th1 vay tiền nhiều lần, nhưng hai bên không có ký kết Hợp đồng vay tiền không có lãi và cũng không có chứng cứ gì về việc vay tiền, việc trả lãi, hay giao nhận tiền.

Ngày 12/11/2019, ông Nguyen Th Tien (Nguyễn Tiến Th), độc thân theo giấy chứng nhận 28/12/2021 của Lục sự Hạt K - USA cho ông Nguyễn Tiến Th1 và bà Nguyễn Thị Thanh Ng vay 11.748.000.000 đồng (Mười một tỷ bảy trăm bốn mươi tám triệu đồng) theo Hợp đồng vay tiền số công chứng 004377 lập tại Văn phòng công chứng N, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Việc giao nhận tiền các bên không có lập biên nhận.

Theo Hợp đồng vay tiền, việc vay tiền không có lãi suất, thời hạn vay là 20 (hai mươi) năm kể từ ngày ký hợp đồng. Mỗi tháng ông Th1, bà Ng phải trả góp cho ông Th 48.950.000 đồng vào ngày 01 đến ngày 10 dương lịch hàng tháng, bắt đầu tính từ tháng 01/2020. Ông Th1, bà Ng chỉ thực hiện nghĩa vụ từ tháng 01/2020 đến tháng 04/2020 với tổng số tiền là 195.800.000 đồng. Từ tháng 5/2020 đến nay ông Th1, bà Ng không còn trả nợ theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng. Việc trả góp bằng tiền mặt, không có lập biên nhận nên nguyên đơn không có chứng cứ cung cấp cho Tòa. Theo thỏa thuận tại Điều 1 Hợp đồng vay tiền nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận *"khi giao tiền hai bên làm biên nhận riêng",* do tin tưởng bị đơn hai bên không làm biên nhận, khi giao tiền ông Th là người trực tiếp giao cho ông Th1, giao nhiều lần có ghi giấy nhưng giấy ông Th1 giữ, nên không có chứng cứ cung cấp cho Tòa.

Do ông Th1 vi phạm hợp đồng nên ngày 24/8/2022, ông Th gửi Thông báo chấm dứt hợp đồng vay tiền số công chứng 004377 ngày 12/11/2019 và yêu cầu ông Th1, bà Ng hoàn trả số tiền gốc còn lại là 11.552.200.000 đồng trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được thông báo. Ông Th1, bà Ng có thông báo cho phía nguyên đơn ra phòng công chứng để thực hiện hủy hợp đồng vay tiền vào ngày 06/9/2022, nhưng ngày hôm đó phía bị đơn không trả tiền nên nguyên đơn đã lập vi bằng ghi nhận lại sự việc. Việc bị đơn cho rằng nguyên đơn cho người vây ép bị đơn ký giấy nhận nợ là không có thật, là do bị đơn vu khống.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên buộc ông Th1, bà Ng trả lại số tiền gốc còn lại là 11.552.200.000 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Tiến Th1 và bà Nguyễn Thị Thanh Ng có người đại diện là bà Nguyễn Thị Thu Th trình bày:

Do ông Nguyễn Tiến Th và ông Nguyễn Tiến Th1 là hai anh em ruột nên khi ông Th gặp khó khăn trong đời sống gia đình, ông Th yêu cầu ông Th1 ký Hợp đồng vay tiền số 004377 ngày 12/11/2019 lập tại Văn phòng công chứng N, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh với số tiền vay 11.552.200.000 đồng (tương đương là 500.000 USD), nhằm mục đích để cho ông Th giữ thể diện với gia đình vợ ông Th. Đây là hợp đồng giả cách không có thực nên hai bên không có việc giao nhận tiền trên thực tế và bị đơn cũng chưa lần nào trả tiền góp hàng tháng cho nguyên đơn như nguyên đơn trình bày.

Bị đơn xác định có ký Hợp đồng vay tiền số 004377 lập tại Văn phòng công chứng N, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh, Hợp đồng vay không có có lãi suất, thời hạn vay là 20 (hai mươi) năm kể từ ngày ký Hợp đồng. Theo thỏa thuận tại Điều 1 Hợp đồng vay tiền nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận *"khi giao tiền hai bên làm biên nhận riêng"*. Ngày 24/8/2022 nguyên đơn có thông báo về việc chấm dứt Hợp đồng vay tiền số 004377 ngày 12/11/2019 lập tại Văn phòng công chứng N do bị đơn nghĩ là hợp đồng giả cách nên đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn và có thông báo đồng ý hủy hợp đồng vay giả cách vào lúc 10 giờ ngày 06/9/2022, tuy nhiên khi đến văn phòng công chứng thấy vợ chồng ông Đ bà L, ông Th vây quanh ép vợ chồng ông Th1, bà Ng ký giấy nhận nợ nên ông Th1, bà Ng bỏ về không ký hủy Hợp đồng.

Nay bị đơn xác định Hợp đồng vay không có thật, nên không đồng ý với yêu cầu nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền 11.552.200.000 đồng (tương đương là 500.000 USD), đề nghị Tòa án tuyên hủy hợp đồng vay tiền do các bên không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 663/2023/DS-ST ngày 11 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ Điều 423, 427, 463, 465 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1/. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Tiến Th về việc buộc ông Nguyễn Tiến Th1 và bà Nguyễn Thị Thanh Ng trả lại số tiền gốc còn lại là 11.552.200.000 đồng.

2/. Hủy bỏ Hợp đồng vay tiền số công chứng 004377 quyển số 02/TP/CC-SCC/HĐGĐ ngày 12/11/2019 lập tại Văn phòng Công chứng N giữa ông Nguyễn Tiến Th (Nguyen Th Tien) với Nguyễn Tiến Th1 và bà Nguyễn Thị Thanh Ng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/5/2023, ông Nguyễn Tiến Đ – đại diện nguyên đơn có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Tiến Đ – đại diện nguyên đơn có đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền hơn 11 tỷ đồng, không yêu cầu hủy hợp đồng vay. Tại các bản tự khai, bản tường trình, đại diện bị đơn yêu cầu hủy hợp đồng vay nhưng không đóng án phí, không làm đơn phản tố, Tòa án cấp sơ thẩm vẫn xem xét là ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn. Về nội dung, hợp đồng vay hai bên đã ký kết, bị đơn cũng thừa nhận, đây là tình tiết không phải chứng minh. Bị đơn cho rằng hợp đồng vay chỉ là giả cách, ông Th nghèo khổ, không có tiền cho vay nhưng thực tế ông Th có góp vốn làm ăn với ông Đ. Mặc dù hợp đồng vay thỏa thuận bàn giao tiền riêng nhưng đây không phải là điều kiện phát sinh hiệu lực của hợp đồng vay. Phía bị đơn khai làm hợp đồng vay giả cách để ông Th cung cấp cho nhà vợ là không đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Th về việc buộc ông Th1, bà Ng phải trả số tiền 11.748.000.000 đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử phúc thẩm và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định pháp luật.

- Về nội dung: Các bên ký kết hợp đồng vay trong đó thỏa thuận việc giao tiền được thực hiện riêng; nguyên đơn không chứng minh được đã giao cho bị đơn số tiền 11.748.000.000 đồng; bị đơn xác định nguyên đơn chưa giao số tiền này nên nghĩa vụ trả tiền vay chưa phát sinh. Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Tiến Đ – đại diện nguyên đơn làm trong hạn luật định là hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Ngày 12/11/2019, ông Nguyễn Tiến Th và ông Nguyễn Tiến Th1, bà Nguyễn Thị Thanh Ng ký kết Hợp đồng vay tiền số công chứng số 004377 Quyển số 02/TP/CC-SCC/HĐGĐ tại Văn phòng Công chứng N; tại Điều 1 Hợp đồng thể hiện *"....bên A cho bên B vay số tiền 11.748.000.000 đồng....việc giao nhận tiền do hai bên thực hiện và ngoài sự chứng kiến của công chứng viên ký tên dưới đây. Khi giao tiền hai bên làm biên nhận riêng".*

Như vậy, việc giao nhận tiền được các bên thống nhất thực hiện sau, các lần

thực hiện sẽ lập biên nhận giao tiền riêng. Nguyên đơn ông Nguyễn Tiến Th không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh việc đã giao số tiền vay 11.748.000.000 đồng cho phía bị đơn như thỏa thuận đã ký kết. Ông Th cho rằng quá trình vay, ông Th1, bà Ng có trả nợ bằng phương thức trả góp hàng tháng nhưng cùng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc ông Th1, bà Ng có trả nợ.

Trong khi đó, phía bị đơn ông Th1, bà Ng cho rằng hợp đồng vay này là giả tạo nhằm mục đích tạo điều kiện cho nguyên đơn ông Th chứng minh tài sản của ông Th với gia đình vợ ông Th, thực tế ông Th không giao tiền cho phía bị đơn.

Đối với Vi bằng số 10942/2022/VB-TPL ngày 06/9/2022 của Văn phòng Thừa phát lại huyện H về việc chứng kiến và ghi nhận hành vi, sự kiện ông Nguyễn Tiến Th với ông Nguyễn Tiến Th1 và bà Nguyễn Thị Thanh Ng đến tại Văn phòng Công chứng N địa chỉ đường L, ấp Chánh 2, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh để chấm dứt Hợp đồng vay tiền các bên đã ký kết theo yêu cầu của ông Nguyễn Tiến Th. Nội dung vi bằng thể hiện các bên có đến Văn phòng Công chứng N nhưng xảy ra cự cãi, sau đó ông Th1, bà Ng bỏ về, nên các bên không lập văn bản chấm dứt Hợp đồng vay tiền nêu trên. Nội dung của vi bằng không thể hiện chứng cứ chứng minh có hay không việc giao nhận tiền giữa các bên.

Đối với các tài liệu chứng từ chuyển tiền từ năm 2002 đến năm 2004 phía nguyên đơn giao nộp không được bị đơn thừa nhận và không có chữ ký chữ viết xác nhận của phía bị đơn, số tiền không trùng khớp với số tiền vay của Hợp đồng vay tiền ngày 12/11/2019; đồng thời thời gian chuyển tiền vào khoảng năm 2002-2004 nên về mặt thời gian không thể xác định là khoản tiền vay ông Th giao theo Hợp đồng vay tiền ngày 12/11/2019. Tương tự, đối với bản xác nhận quyết toán tiền cổ phần ngày 05/12/2005 được lập giữa ông Nguyễn Tiến Đ và bà Nguyễn Thị L với ông Nguyễn Tiến Th và có người làm chứng là ông Nguyễn Tiến Th1 do ông Đ cung cấp không thể hiện nội dung giao tiền vay theo Hợp đồng vay tiền ngày 12/11/2019 và về thời gian cũng không phù hợp.

Xét thấy, hai bên không có việc giao nhận tiền vay hoặc tiền trả góp hàng tháng nên hợp đồng này cho đến nay chưa làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên, nay nguyên đơn và bị đơn đều xác định không tiếp tục thực hiện hợp đồng vay, bị đơn yêu cầu hủy bỏ hợp đồng vay tiền ngày 12/11/2019 là có cơ sở chấp nhận. Ông Th yêu cầu buộc ông Th1, bà Ng thanh toán nợ vay là không có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết là có căn cứ, đúng quy định pháp luật; kháng cáo của ông Nguyễn Tiến Đ – đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Tiến Th không có cơ sở chấp nhận; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Tiến Th phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, giữ quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Tiến Th.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 663/2023/DS-ST ngày 11 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1/. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Tiến Th về việc buộc ông Nguyễn Tiến Th1 và bà Nguyễn Thị Thanh Ng trả lại số tiền gốc còn lại là 11.552.200.000 đồng.

2/. Hủy bỏ Hợp đồng vay tiền số công chứng 004377 Quyển số 02/TP/CC-SCC/HĐGĐ ngày 12/11/2019 lập tại Văn phòng Công chứng N giữa ông Nguyễn Tiến Th (Nguyen Th Tien) với Nguyễn Tiến Th1 và bà Nguyễn Thị Thanh Ng.

3/. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

4/. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Tiến Th phải chịu 300.000 đồng; được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu phí số 0001508 ngày 30/5/2023 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh vào phần án phí phải chịu.

5/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- ĐS (3);
- Lưu VP(3), HS(2).13b.TVN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thu Thủy